



ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI
VIỆN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

IP Multicast

Phạm Huy Hoàng - SoICT/HUST
hoangph@soict.hust.edu.vn

1

Tổng quan về IP multicast

Unicast & Multicast

Địa chỉ multicast & giao thức 2 pha

Demo với *ssmping*

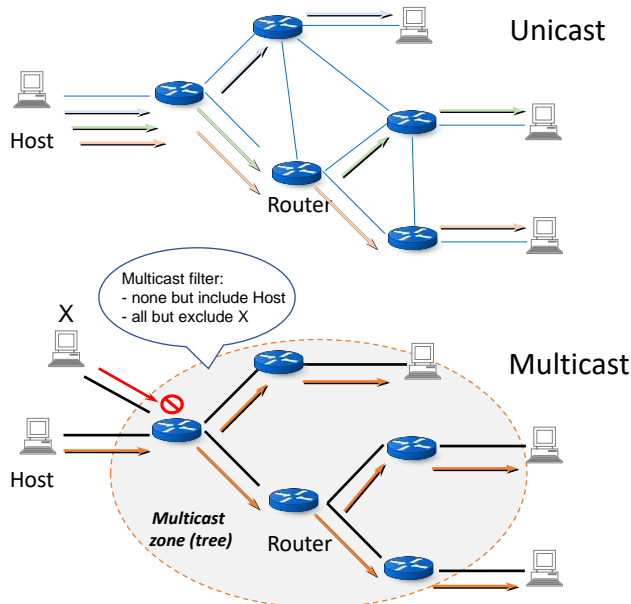
Multicast tree & join host

2

Unicast & Multicast

- Tại sao cần multicast?
 - Gửi cùng dữ liệu đến nhiều người nhận
 - Tối ưu hóa đường truyền
- Ví dụ ứng dụng
 - Video/audio conferencing
 - Internet TV
 - Quảng cáo trực tuyến
 - Thông tin chứng khoán
 - V.v..

→ Vai trò của router (multicast routing)



Địa chỉ IP Multicast

• IP Class:

- A: 0xxxxxxx.a.b.c
- B: 10xxxxxx.a.b.c
- C: 110xxxxx.a.b.c
- D: 1110xxxx.a.b.c

Class D address
Range: 224.0.0.0 to 239.255.255.255

1	1	1	0	Group identifier
---	---	---	---	------------------

• Các địa chỉ "224.0.0":

- Link Local Addresses. IANA giữ các địa chỉ "224.0.0" để phục vụ routing cho mạng local. Các địa chỉ "link local" không bao giờ được route liên mạng, chỉ để các trạm liên lạc trực tiếp qua liên kết vật lý với gói tin có TTL = 1
- Mapping đến các địa chỉ multicast của mạng vật lý (ethernet)

• Một số địa chỉ link local:

- 224.0.0.1: các trạm trong mạng mà có hỗ trợ multicast
- 224.0.0.2: các router trong mạng
- 224.0.0.5: các OSPF routers
- 224.0.0.12: các DHCP Server
- 224.0.0.13: các router hỗ trợ PIM trong mạng (PIM: multicast routing)
- 224.0.0.22: router hỗ trợ IGMP
- 224.0.0.251: multicast DNS [RFC6762]
- Các địa chỉ multicast khác: <https://www.iana.org/assignments/multicast-addresses/multicast-addresses.xhtml>

Đăng ký địa chỉ IP unicast vào “nhóm”

- Nguyên tắc hoạt động:
 - Một địa chỉ lớp D tương ứng với một nhóm trạm nhận (group identifier)
 - Gói tin gửi đến địa chỉ lớp D sẽ được các router xử lý “nhân” tại vị trí phù hợp để gửi đến từng trạm nhận (thay vì “nhân” tại gốc ~ n x unicast)
- Giao thức 2 pha:
 - Join: quá trình các host đăng ký với các router để join vào một địa chỉ lớp D
 - Join tự động: tùy theo chức năng của trạm mà tự động join vào các địa chỉ “224”
 - Join chủ động: đăng ký địa chỉ IP của mình với một địa chỉ IP multicast
 - Broadcast (multicast): quá trình lan truyền gói tin theo địa chỉ multicast đến các trạm đã join vào địa chỉ này trong pha “join”.

```
$ netstat -4 -g -n
IPv6/IPv4 Group Memberships
Interface      RefCnt Group
-----
lo              1      224.0.0.1
enp0s9          1      224.0.0.1
enp0s10         1      224.0.0.1

$ sudo systemctl start pimd
$ netstat -4 -g -n
IPv6/IPv4 Group Memberships
Interface      RefCnt Group
-----
lo              1      224.0.0.1
enp0s9          1      224.0.0.13
enp0s9          1      224.0.0.22
enp0s9          2      224.0.0.1
enp0s10         1      224.0.0.13
enp0s10         1      224.0.0.1
```

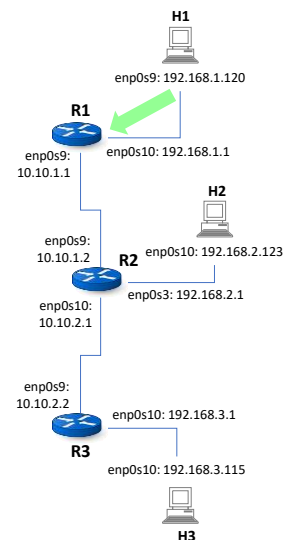
Multicast Demo

- Host H1 phát tin theo nhóm 226.96.1.1

```
H1:~$ iperf -c 226.96.1.1 -u
-----
Client connecting to 226.96.1.1, UDP port 5001
Sending 1470 byte datagrams, IPG target: 11215.21 us (kalman adjust)
Setting multicast TTL to 1
UDP buffer size: 208 KByte (default)
-----
```

- Router R1 nhận được gói tin trên liên kết mạng với H1

```
R1:~$ sudo tcpdump -i enp0s10 | grep 226.96.1.1
tcpdump: verbose output suppressed, use -v or -vv for full protocol decode
listening on enp0s10, link-type EN10MB (Ethernet), capture size 262144 bytes
10:25:11.625716 IP 192.168.1.120.51134 > 226.96.1.1.5001: UDP, length 1470
10:25:11.637009 IP 192.168.1.120.51134 > 226.96.1.1.5001: UDP, length 1470
10:25:11.648147 IP 192.168.1.120.51134 > 226.96.1.1.5001: UDP, length 1470
```



Multicast Demo (2)

- Router R1 không chuyển tiếp gói tin từ *enp0s10* sang *enp0s9*

```
R1:~$ sudo tcpdump -i enp0s9 | grep 226.96.1.1
tcpdump: verbose output suppressed, use -v or -vv for full protocol decode
listening on enp0s10, link-type EN10MB (Ethernet), capture size 262144 bytes
```

- Tạo luật forward gói tin multicast trong R1:

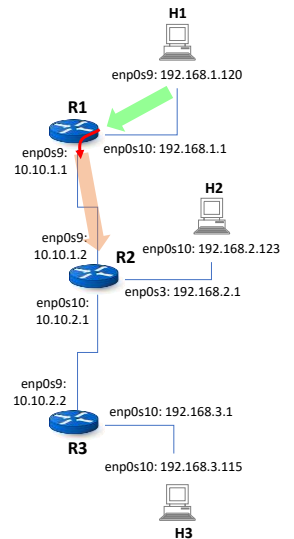
```
R1(config)# interface enp0s10
R1(config-if)# ip mroute 226.96.1.1 192.168.1.120
R1(config-if)# end

R1# show ip mroute
Proto: I=IGMP P=PIM S=STATIC
```

Source	Group	Proto	Input	iVifi	Output	oVifi	TTL	Uptime
192.168.1.120	226.96.1.1	S	enp0s10	5	enp0s9	4	1	00:00:42

- Router R1 chuyển tiếp gói tin sang kết nối *enp0s9*

```
R1:~$ sudo tcpdump -i enp0s9 | grep 226.96.1.1
tcpdump: verbose output suppressed, use -v or -vv for full protocol decode
listening on enp0s10, link-type EN10MB (Ethernet), capture size 262144 bytes
10:25:11.625716 IP 192.168.1.120.51134 > 226.96.1.1.5001: UDP, length 1470
10:25:11.637009 IP 192.168.1.120.51134 > 226.96.1.1.5001: UDP, length 1470
```



Multicast Demo (3)

- Router R2 nhận gói multicast trên *enp0s9* nhưng không chuyển tiếp

```
R2:~$ sudo tcpdump -i enp0s9 | grep 226.96.1.1
tcpdump: verbose output suppressed, use -v or -vv for full protocol decode
listening on enp0s10, link-type EN10MB (Ethernet), capture size 262144 bytes
10:25:11.625716 IP 192.168.1.120.51134 > 226.96.1.1.5001: UDP, length 1470
```

```
R2:~$ sudo tcpdump -i enp0s3 | grep 226.96.1.1
tcpdump: verbose output suppressed, use -v or -vv for full protocol decode
listening on enp0s10, link-type EN10MB (Ethernet), capture size 262144 bytes
```

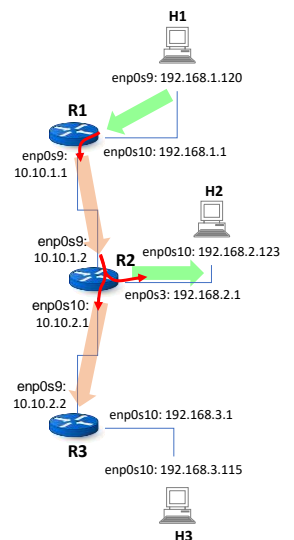
- Tạo luật forward gói tin multicast trong R2:

```
R2# show ip mroute
Proto: I=IGMP P=PIM S=STATIC
```

Source	Group	Proto	Input	iVifi	Output	oVifi	TTL	Uptime
192.168.1.120	226.96.1.1	S	enp0s9	5	enp0s3	4	1	00:00:42
192.168.1.120	226.96.1.1	S	enp0s9	5	enp0s10	4	1	00:00:42

- Router R2 chuyển tiếp gói tin sang 2 kết nối *enp0s10* và *enp0s3*

```
R2:~$ sudo tcpdump -i enp0s10 | grep 226.96.1.1
tcpdump: verbose output suppressed, use -v or -vv for full protocol decode
listening on enp0s10, link-type EN10MB (Ethernet), capture size 262144 bytes
10:25:11.637009 IP 192.168.1.120.51134 > 226.96.1.1.5001: UDP, length 1470
```



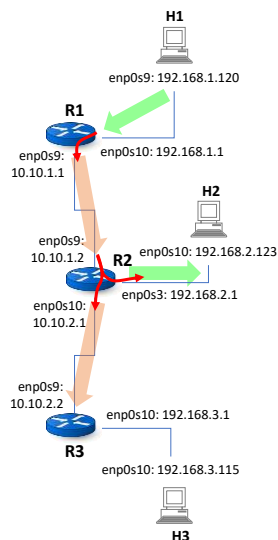
Multicast Demo (4)

- Host H2 nhận gói multicast phát từ H1 qua cây R1 → R2

```
H2:~$ iperf -s -u -B 226.96.1.1 -i 1
-----
Server listening on UDP port 5001
Binding to local address 226.96.1.1
Joining multicast group 226.96.1.1
Receiving 1470 byte datagrams
UDP buffer size: 208 KByte (default)
-----
[ 3] local 226.96.1.1 port 5001 connected with 192.168.1.120 port 34116
[ ID] Interval      Transfer    Bandwidth    Jitter    Lost/Totals  Datagrams
[ 3] 0.0- 1.0 sec    129 KBytes  1.06 Mbits/sec  0.045 ms  0/ 90 (0%)
[ 3] 1.0- 2.0 sec    128 KBytes  1.05 Mbits/sec  0.061 ms  0/ 89 (0%)
[ 3] 2.0- 3.0 sec    128 KBytes  1.05 Mbits/sec  0.053 ms  0/ 89 (0%)
```

- Router R3 nhận được gói tin multicast phát từ H1 qua cây R1 → R2

```
R3:~$ sudo tcpdump -i enp0s9 | grep 226.96.1.1
tcpdump: verbose output suppressed, use -v or -vv for full protocol decode
listening on enp0s10, link-type EN10MB (Ethernet), capture size 262144 bytes
10:25:11.637009 IP 192.168.1.120.51134 > 226.96.1.1.5001: UDP, length 1470
10:25:11.637009 IP 192.168.1.120.51134 > 226.96.1.1.5001: UDP, length 1470
```



Multicast Demo (5)

- Tạo luật forward gói tin multicast trong R3:

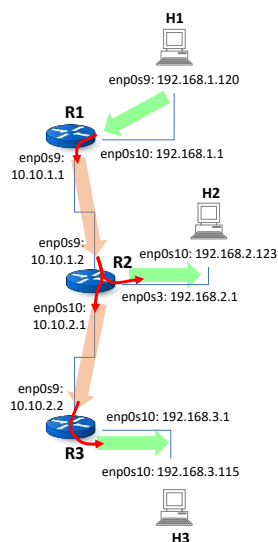
```
R3# show ip mroute
Proto: I=IGMP P=PIM S=STATIC
Source      Group      Proto Input  iVifI Output oVifI TTL Uptime
192.168.1.120 226.96.1.1 S enp0s9 5 enp0s10 4 1 00:00:42
```

- Router R3 chuyển tiếp gói tin sang enp0s10:

```
R3:~$ sudo tcpdump -i enp0s10 | grep 226.96.1.1
tcpdump: verbose output suppressed, use -v or -vv for full protocol decode
listening on enp0s10, link-type EN10MB (Ethernet), capture size 262144 bytes
10:25:11.637009 IP 192.168.1.120.51134 > 226.96.1.1.5001: UDP, length 1470
10:25:11.637009 IP 192.168.1.120.51134 > 226.96.1.1.5001: UDP, length 1470
```

- Host H3 nhận gói multicast phát từ H1 qua cây R1 → R2 → R3

```
H3:~$ iperf -s -u -B 226.96.1.1 -i 1
-----
[ 3] local 226.96.1.1 port 5001 connected with 192.168.1.120 port 34116
[ ID] Interval      Transfer    Bandwidth    Jitter    Lost/Totals  Datagrams
[ 3] 0.0- 1.0 sec    129 KBytes  1.06 Mbits/sec  0.045 ms  0/ 90 (0%)
[ 3] 1.0- 2.0 sec    128 KBytes  1.05 Mbits/sec  0.061 ms  0/ 89 (0%)
```



Bên trong multicast zone: multicast routing

```
R2$ route -n
Kernel IP routing table
Destination      Gateway         Genmask         Flags Metric Ref    Use Iface
10.10.1.0        0.0.0.0        255.255.255.0   U      0      0      0 enp0s9
10.10.2.0        0.0.0.0        255.255.255.0   U      0      0      0 enp0s10
192.168.1.0      10.10.1.1      255.255.255.0   UG     0      0      0 enp0s9
192.168.2.0      10.10.2.2      255.255.255.0   UG     0      0      0 enp0s10
```

Khi H1 multicast đến H2:

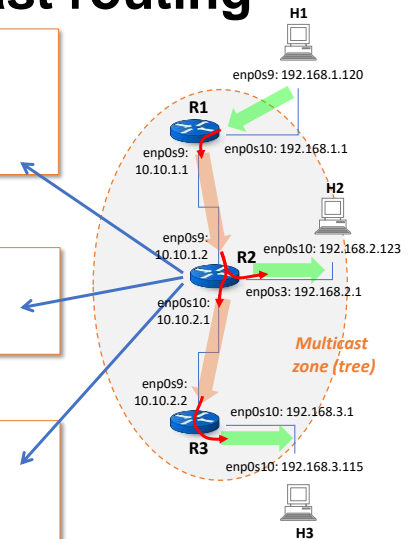
```
R2> show ip mroute
Proto: I=IGMP P=PIM S=STATIC
```

Source	Group	Proto	Input	iVifi	Output	oVifi	TTL	Uptime
192.168.1.120	226.96.1.1	S	enp0s9	4	enp0s3	2	1 00:08:06	

Thêm H3 nhận multicast:

```
R2> show ip mroute
Proto: I=IGMP P=PIM S=STATIC
```

Source	Group	Proto	Input	iVifi	Output	oVifi	TTL	Uptime
192.168.1.120	226.96.1.1	S	enp0s9	4	enp0s3	2	1 00:09:31	
192.168.1.120	226.96.1.1	S	enp0s9	4	enp0s10	5	1 00:00:09	



Join host (nút lá) vào multicast tree

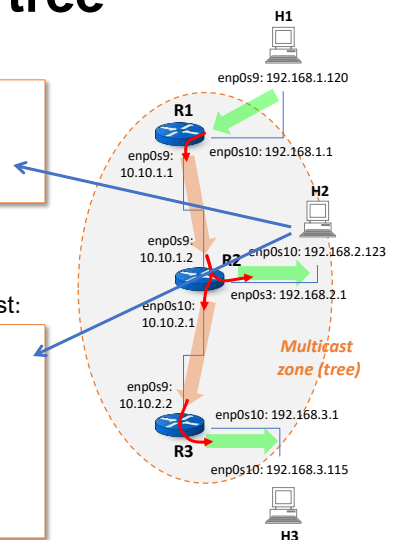
- Giao diện kết nối mạng của mỗi host có thể được join với địa chỉ multicast (giống như được gán nhiều địa chỉ IP unicast)
- Khi gói tin multicast IP được router forward đến giao diện kết nối mạng của host mà đã join vào địa chỉ multicast (nút lá) → host xử lý nhận gói tin như nhận gói tin IP unicast thông thường
- Trường hợp nguồn phát được xác định trước (source specific multicast), các giao thức liên quan đến pha "join" của multicast chịu trách nhiệm cập nhật bảng routing của các router trong multicast zone (tree) và join host vào địa chỉ multicast tương ứng
- Trường hợp nguồn phát không xác định khi join, router chỉ có thể lưu các thông tin đăng ký này và đợi khi nguồn phát bắt đầu phát tin để thiết lập cây multicast

```
H2:~$ ip -4 address
1: lo
   inet 224.0.0.1
2: enp0s10
   inet 224.0.0.1
```

H2 đăng ký nhận multicast:

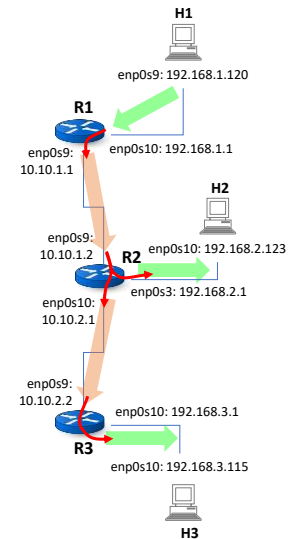
```
H2:~$ iperf -s -u -B
226.96.1.1 -i 1

H2:~$ ip -4 address
1: lo
   inet 224.0.0.1
   enp0s10
   inet 226.96.1.1
2: enp0s10
   inet 224.0.0.1
```



Thực hành: Static Multicast

- Tạo cây multicast R1 → R2 bằng phương pháp static
- Tạo nguồn phát trên H1 với *iperf -c*
- Tạo trạm nghe trên H2 với *iperf -s*
- Theo dõi các gói tin multicast gửi từ H1 vào nhóm và gói tin được chuyển tiếp qua R1, R2 đến H2
- Thêm R3 vào cây multicast cũng bằng phương pháp static để hoàn thành cây R1 → R2 → R3
- Tạo trạm nghe trên H3 với *iperf -s*
- Theo dõi các gói tin multicast gửi từ H1 vào nhóm và được chuyển tiếp qua R1, R2, R3 đến H3

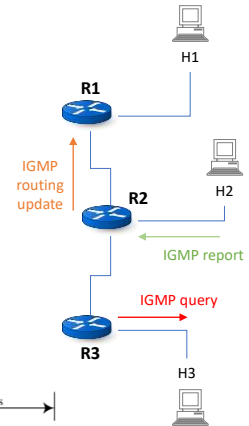
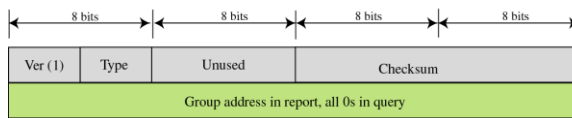


Internet Group Management Protocol (IGMP)

Internet Group Management Protocol (IGMP)

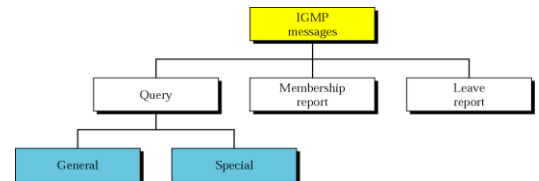
- Dùng để join/leave host trong nhóm (multicast IP)
- Cũng có thể cập nhật thông tin multicast routing giữa các router
- Chạy trực tiếp trên tầng IP với protocol number=2 (giống ICMP, p.num=1)
- IGMPv1 (RFC1112), v2 (RFC2236), v3 (RFC3376)
- IPv6:
 - ICMPv6 cài đặt chức năng Multicast Listener Discovery (MDL)
 - MLDv1 tương tự IGMPv2
 - MLDv2 tương tự IGMPv3
- IGMP query:
 - Gửi đến 224.0.0.1 hoặc group address
 - Router truy vấn host
- IGMP report:
 - Gửi đến 224.0.0.22
 - Host yêu cầu router
 - Thay đổi thông tin nhóm

Type: Query (1) Report (2)



IGMP Message: Query

- General Query:
 - Group Address = 0
 - Router gửi well known multicast (224.0.0.1) để thu thập thông tin routing mạng
 - Router gửi well known multicast (224.0.0.22) để thu thập thông tin liên quan đến IGMP
- Group-Specific Query
 - Group Address = group muticast IP address
 - Router gửi query đến địa chỉ multicast group để yêu cầu thu thập thông tin trong group
- Source Addresses:
 - Các địa chỉ nguồn phát (unicast) của nhóm

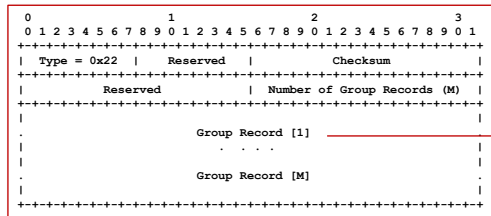


IGMP Query

0	1	2	3
0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1			
+	+	+	+
Type = 0x11	Max Resp Code	Checksum	
+	+	+	+
Group Address			
+	+	+	+
Resv	S QRV	QOIC	Number of Sources (N)
+	+	+	+
Source Address [1]			
+	+	+	+
Source Address [2]			
+	+	+	+
.			
+	+	+	+
Source Address [N]			
+	+	+	+

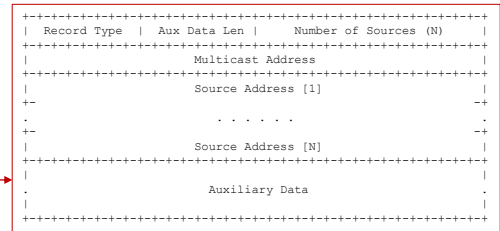
IGMP Message: Report

IGMP Report



Tôi (sender) muốn làm gì với nhóm (multicast address) cùng với nguồn phát (source address)

Group Record



Current-State Record: trả lời khi nhận được query

- **MODE_IS_INCLUDE:** nhận nguồn phát
- **MODE_IS_EXCLUDE:** không nhận nguồn phát

Filter-Mode-Change Record: thay đổi chế độ làm việc (filter mode)

- **CHANGE_TO_INCLUDE_MODE**
- **CHANGE_TO_EXCLUDE_MODE**

Source-List-Change Record: thêm hoặc xóa nguồn phát trong nhóm

- **ALLOW_NEW_SOURCES**
- **BLOCK_OLD_SOURCES**

State-Change record

- Các host khi tham gia vào nhóm và muốn thay đổi nguồn phát (hoặc muốn kết thúc tham gia nhóm) sẽ sử dụng report *to_in()* hoặc *to_ex()* với nội dung nguồn phát phù hợp

- Bảng chuyển trạng thái trước & sau của kết nối tùy theo report gửi đi:

Old State	New State	State-Change Record Sent
INCLUDE (A)	INCLUDE (B)	ALLOW (B-A), BLOCK (A-B)
EXCLUDE (A)	EXCLUDE (B)	ALLOW (A-B), BLOCK (B-A)
INCLUDE (A)	EXCLUDE (B)	TO_EX (B)
EXCLUDE (A)	INCLUDE (B)	TO_IN (B)

```
R1:~$ sudo tcpdump -n -i enp0s10 -vv
10.10.1.2 > 224.0.0.22: \
  igmp v3 report, 1 group record(s) \
  [gaddr 226.96.1.1 \
  allow { 192.168.1.120 }]
10.10.1.2 > 224.0.0.22: \
  igmp v3 report, 2 group record(s) \
  [gaddr 224.0.0.22 to_in { }] \
  [gaddr 226.96.1.1 \
  block { 192.168.1.120 }]
```

IGMP Message: Leave

- IGMPv3 không thiết kế thông điệp để yêu cầu leave như trường hợp join bằng IGMP Report, thay vào đó có thể dùng thông điệp chuyển trạng thái (state-change report) kết hợp với nguồn phát.
- CHANGE_TO_INCLUDE_MODE & SOURCE = []
 - Host gửi report thông báo hoạt động của mình trong nhóm 226.96.1.1 cần chuyển sang chế độ INCLUDE
 - Nhưng không nhận nguồn phát nào
 - tương đương yêu cầu rời khỏi nhóm này (leave)
- CHANGE_TO_EXCLUDE_MODE & SOURCE = []
 - Host gửi report thông báo hoạt động của mình trong nhóm 226.96.1.1 cần chuyển sang chế độ EXCLUDE
 - Nhưng không có nguồn phát nào
 - tương đương yêu cầu tham gia nhóm với nguồn phát chưa xác định
- CHANGE_TO_INCLUDE_MODE & SOURCE <> []
 - Yêu cầu join vào nhóm với nguồn phát xác định

```
R3:~$ sudo tcpdump -n -i enp0s10 -vv
192.168.3.115 > 224.0.0.22: \
  igmp v3 report, 1 group record(s) \
  [gaddr 226.96.1.1 to_in { }]
```

```
R3:~$ sudo tcpdump -n -i enp0s10 -vv
192.168.3.115 > 224.0.0.22: \
  igmp v3 report, 1 group record(s) \
  [gaddr 226.96.1.1 to_ex { }]
```

IGMP demo

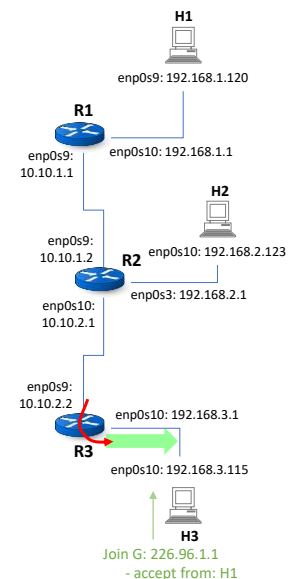
- Join H3 vào nhóm multicast với nguồn phát H1. Thông điệp IGMP Report được gửi từ H3 cho R3:

```
H3:~$ iperf -s -u -B 226.96.1.1 -H 192.168.1.120 -i 1
-----
Server listening on UDP port 5001
Binding to local address 226.96.1.1
Joining multicast (S,G)=192.168.1.120,226.96.1.1
```

- R3 được tự động join vào nhóm multicast cùng với luật chuyển tiếp gói tin từ enp0s9 sang enp0s10, được thiết lập theo protocol IGMP:

```
R3> show ip igmp groups
Interface Address      Group      Mode Timer   Srcs V Uptime
enp0s9  10.10.2.2  224.0.0.22 EXCL 00:04:03 0 3 00:01:02
enp0s10 192.168.3.1 224.0.0.22 EXCL 00:03:55 0 3 00:01:02
enp0s10 192.168.3.1 226.96.1.1 INCL --:--:-- 1 3 00:00:35
R3> show ip igmp sources
Interface Address      Group      Source      Timer Fwd Uptime
enp0s10 192.168.3.1 226.96.1.1 192.168.1.120 04:12 Y 00:00:46
R3> show ip mroute
Proto: I=IGMP P=PIM S=STATIC

Source      Group      Proto Input iVifi Output oVifi TTL Uptime
192.168.1.120 226.96.1.1 I enp0s9 4 enp0s10 5 1 00:00:13
```



IGMP demo (2)

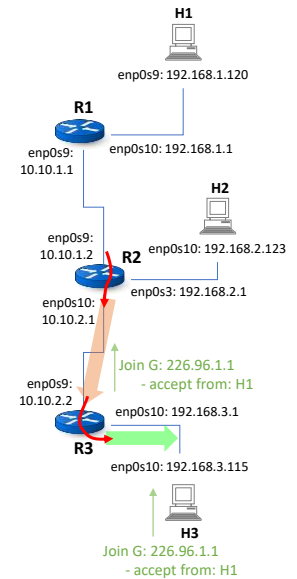
- Join R3 (interface enp0s9) vào nhóm multicast với nguồn phát H1.

```
R3(config)# interface enp0s9
R3(config-if)# ip igmp join 226.96.1.1 192.168.1.120
R3# show ip igmp join
Interface Address      Source      Group      Socket Uptime
enp0s9  10.10.2.2  192.168.1.120  226.96.1.1  15 00:01:40
R3# show ip igmp sources
Interface Address      Group      Source      Timer Fwd Uptime
enp0s9  10.10.2.2  226.96.1.1  192.168.1.120  04:18  N 00:01:50
enp0s10 192.168.3.1  226.96.1.1  192.168.1.120  04:04  Y 00:17:36
```

- Thông điệp IGMP Report được gửi từ R3 cho R2 và R2 tự động join vào nhóm multicast đồng thời thiết lập luật chuyển tiếp gói tin từ enp0s9 sang enp0s10:

```
R2> show ip igmp groups
Interface Address      Group      Mode Timer  Srcs V Uptime
enp0s10 10.10.2.1  226.96.1.1  INCL --:--:-- 1 3 00:00:41
R2> show ip igmp sources
Interface Address      Group      Source      Timer Fwd Uptime
enp0s10 10.10.2.1  226.96.1.1  192.168.1.120  03:46  Y 00:06:22
R2> show ip mroute
Proto: I=IGMP P=PIM S=STATIC

Source      Group      Proto Input iVifi Output oVifi TTL Uptime
192.168.1.120 226.96.1.1  I   enp0s9  4 enp0s10  5 1 00:06:26
```



21

21

IGMP demo (3)

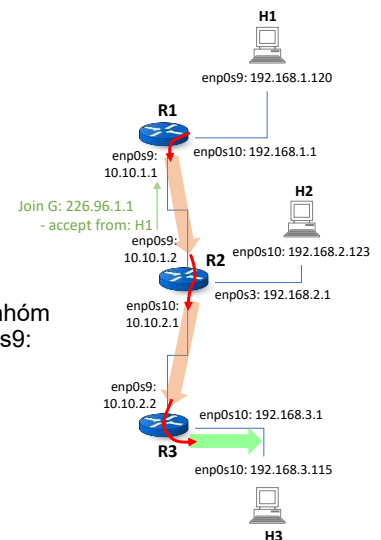
- Join R2 (interface enp0s9) vào nhóm multicast với nguồn phát H1.

```
R2(config)# interface enp0s9
R2(config-if)# ip igmp join 226.96.1.1 192.168.1.120
R2# show ip igmp join
Interface Address      Source      Group      Socket Uptime
enp0s9  10.10.1.2  192.168.1.120  226.96.1.1  15 00:01:40
R2# show ip igmp sources
Interface Address      Group      Source      Timer Fwd Uptime
enp0s9  10.10.1.2  226.96.1.1  192.168.1.120  04:18  N 00:01:50
enp0s10 10.10.2.1  226.96.1.1  192.168.1.120  04:04  Y 00:17:36
```

- Thông điệp IGMP Report được gửi từ R2 cho R1 và R1 tự động join vào nhóm multicast đồng thời thiết lập luật chuyển tiếp gói tin từ enp0s10 sang enp0s9:

```
R1> show ip igmp groups
Interface Address      Group      Mode Timer  Srcs V Uptime
enp0s10 192.168.1.1  224.0.0.22  EXCL 00:04:16 0 3 00:00:45
R1> show ip igmp sources
Interface Address      Group      Source      Timer Fwd Uptime
enp0s9  10.10.1.1  226.96.1.1  192.168.1.120  04:08  Y 00:00:13
R1> show ip mroute
Proto: I=IGMP P=PIM S=STATIC

Source      Group      Proto Input iVifi Output oVifi TTL Uptime
192.168.1.120 226.96.1.1  I   enp0s10 5 enp0s9  4 1 00:00:22
```



22

22

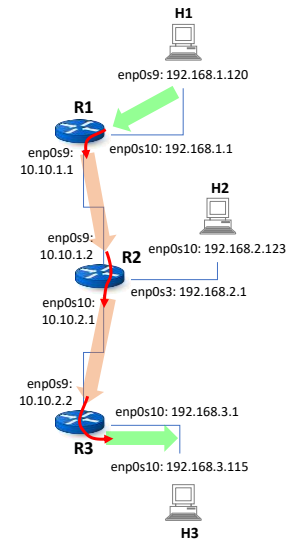
IGMP demo (4)

- H1 phát gói tin multicast vào nhóm

```
H1:~$ iperf -c 226.96.1.1 -u -T 32 -t 10
-----
Client connecting to 226.96.1.1, UDP port 5001
Sending 1470 byte datagrams, IPG target: 11215.21 us (kalman adjust)
Setting multicast TTL to 32
UDP buffer size: 208 KByte (default)
-----
```

- H3 nhận được gói tin multicast từ H1:

```
H3:~$ iperf -s -u -B 226.96.1.1 -H 192.168.1.120 -i 1
-----
Server listening on UDP port 5001
Binding to local address 226.96.1.1
Joining multicast (S,G)=192.168.1.120,226.96.1.1
Receiving 1470 byte datagrams
UDP buffer size: 208 KByte (default)
-----
[ 3] local 226.96.1.1 port 5001 connected with 192.168.1.120 port 56432
[ ID] Interval      Transfer    Bandwidth    Jitter    Lost/Totals  Datagrams
[ 3] 0.0- 1.0 sec    129 KBytes  1.06 Mbits/sec  0.084 ms    0/   90 (0%)
[ 3] 1.0- 2.0 sec    128 KBytes  1.05 Mbits/sec  0.061 ms    0/   89 (0%)
[ 3] 2.0- 3.0 sec    128 KBytes  1.05 Mbits/sec  0.076 ms    0/   89 (0%)
```

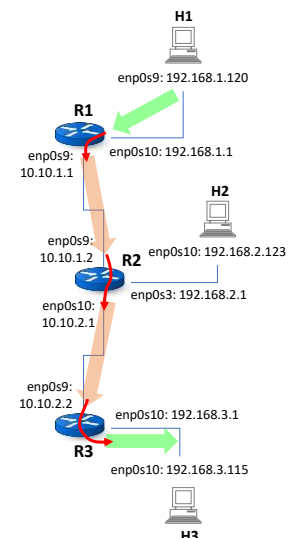


23

23

Thực hành IGMP

- Thiết lập hệ thống mạng với 3 router và 3 host
- Chạy iperf trên H3 để join vào nhóm multicast với nguồn phát được xác định là H1
- Kiểm tra cấu hình multicast trên router R3 được tự động thiết lập theo gói tin IGMP Report gửi đến từ H3
- Join R3 (interface enp0s9) vào cây multicast, kiểm tra cấu hình multicast trên router R2 được tự động thiết lập theo gói tin IGMP Report gửi đến từ R3
- Join R2 (interface enp0s9) vào cây multicast, kiểm tra cấu hình multicast trên router R1 được tự động thiết lập theo gói tin IGMP Report gửi đến từ R2
- Chạy iperf trên H1 để phát gói tin vào nhóm, kiểm tra H3 nhận được gói tin phát trong nhóm
- Bắt các gói tin IGMP giữa H3-R3 và R2-R3 để phân tích



24

24

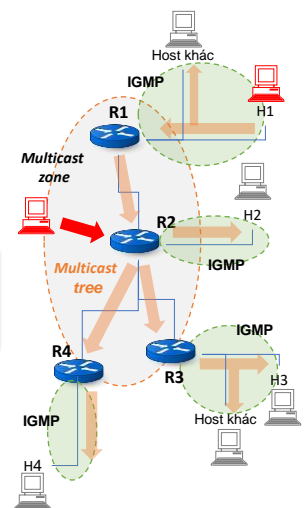
Multicast zone (tree)

25

Multicast zone & Multicast tree

- Multicast zone
 - Gắn với một địa chỉ group (multicast)
 - Vùng lan tỏa của gói tin IP gửi theo địa chỉ group, gồm có các host & các router
- Multicast tree
 - Cây!!!
 - Host: nút gốc (source) & nút lá (receiver)
 - Router: nút bên trong
- Xây dựng cây
 - IGMP: local link, thêm/bớt nút con vào cha
 - Dựng cây thủ công (manual) → static
 - Dựng cây tự động (dynamic) → multicast routing protocol (nhớ lại routing protocol!!!)
- Bài toán nút gốc (source)
 - Xác định nút gốc thế nào? (source chạy *iperf -c* & gửi multicast)
 - Khi nào? (khi H3 chạy *iperf -H*, hoặc khi H1 chạy *iperf -c*)
 - Nhiều nút gốc? (các host receiver chạy *iperf -H* để thiết lập source khác nhau)
- Bài toán xác định cây tối ưu từ đồ thị kết nối mạng

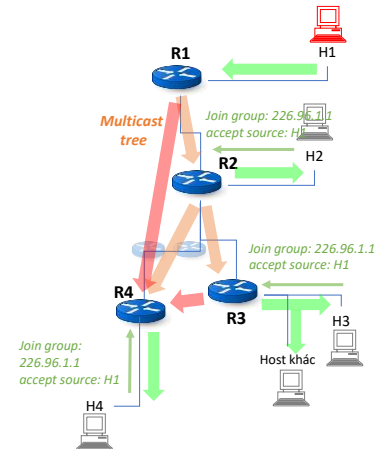
```
R3> show ip mroute
Proto: I=IGMP P=PIM S=STATIC
Source      Group      Proto Input ...
192.168.1.120 226.96.1.1 S enp0s9 ...
```



26

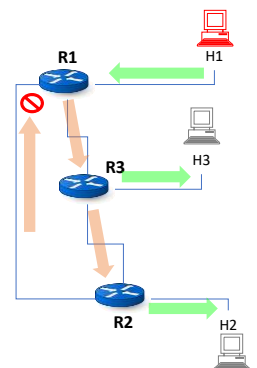
Xây dựng cây multicast

- Dựa vào nút gốc, tạo cây trong pha “join” (source specific mode) hoặc tạo cây trong pha truyền multicast (lúc đó source mới xuất hiện)
- Hình thành dần dần, khi có yêu cầu thêm (các) trạm nghe
- Local router nhận IGMP join report từ trạm nghe → tìm đến cây multicast đang có, hoặc khởi tạo cây nếu chưa có
- Local router thiết lập cành cây mới (có thể gồm nhiều router trung gian) để nối vào nút “phù hợp” trên cây multicast đã được thiết lập
- Có nhiều lựa chọn để gắn cành mới, chọn phù hợp nhất?
- Shortest Path Tree (SPT): cây con (cành) có gốc tại source hoặc một nút trên cây đã có, và lan tỏa đến (các) trạm nghe theo đường đi “tối ưu”
- Reverse-Path Forwarding (RPF): quá trình xuất phát từ một nút, qua các router trung gian để tìm ngược về source → xác định nút cha & tự gắn vào cây multicast (quá trình chuyển tiếp ngược - RPF)



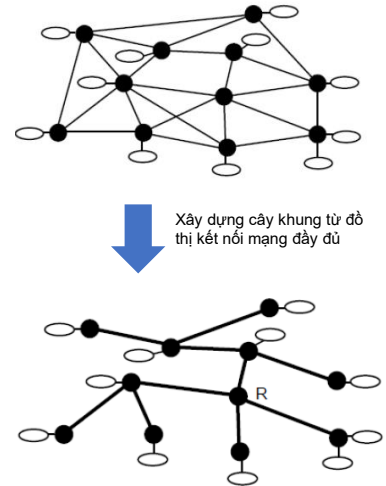
Thuật toán tràn (flooding)

- Kỹ thuật đơn giản nhất, chuyển tiếp gói tin multicast đến tất cả các router, trừ router mà nó nhận được gói tin này
- Nếu nhận được gói tin multicast đã xử lý thì không được chuyển tiếp nữa (lặp chu trình)
- Tối ưu multicast zone bằng các địa chỉ well known local link: 224.0.0.1
- Ưu điểm:
 - Đơn giản
 - Không đòi hỏi cơ chế routing phức tạp tại các router
- Nhược điểm:
 - Router cần duy trì cơ chế kiểm soát tránh lặp gói tin theo chu trình → tốn tài nguyên trong router
 - Chỉ phù hợp trong phạm vi liên mạng nhỏ (AS), không thể áp dụng cho mạng Internet



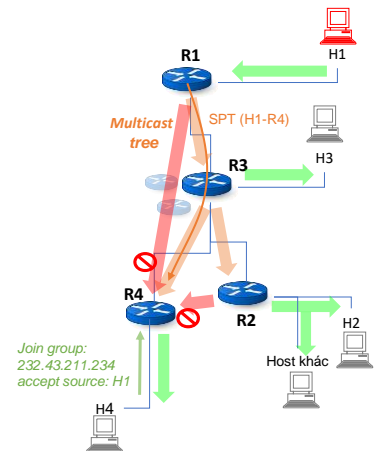
Thuật toán cây khung (Spanning Tree)

- Cải tiến từ thuật toán flooding, tối ưu tài nguyên router khi xử lý tránh lặp chu trình
- Chọn một tập con trong đồ thị kết nối mạng đầy đủ mà phủ hết các nút nhưng không có chu trình
→ cây khung (Spanning Tree)
- Áp dụng thuật toán flooding trên cây khung thay vì trên toàn bộ kết nối mạng: router flood gói tin multicast theo các giao diện kết nối mạng **mà có tham gia vào cây khung**
- Hạn chế: lưu lượng mạng bị dồn vào các liên kết trên cây khung, gây tắc nghẽn trong khi các liên kết khác không được sử dụng



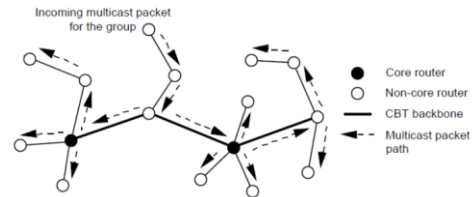
Thuật toán quảng bá ngược (RPB)

- Cài tiến hạn chế lưu lượng dồn vào các nhánh của cây khung trong thuật toán spanning tree → xây dựng cây khung theo nhóm (source, multicast group)
- Thuật toán Reverse Path Broadcasting (RPB):
 - Với mỗi cặp (source, multicast group), router xác định liên kết mạng nhận gói tin (với router kề trước trong "forward path") và xác định đường đi "tối ưu" từ nó quay trở lại nguồn phát (SPT)
 - Nếu liên kết mạng nhận tin thuộc SPT → gắn "cảnh" vào cây khung
 - Nếu liên kết mạng nhận tin không thuộc SPT → bỏ qua
- Triển khai RPB:
 - Duy trì thông tin (các) cây khung trên tất cả router → Multicast Extensions to OSPF (RFC1584)
 - Không trì thông tin (các) cây khung trên tất cả router:
 - Multicast router chỉ biết nút cha và các nút con trực tiếp của nó trên cây khung
 - R4 lần ngược lại SPT để thiết lập các liên kết cha-con cho đến khi gặp router đầu tiên thuộc cây khung (reverse path!!!!) là R3 thì gắn "cảnh" vào R3
 - Distance Vector Multicast Routing Protocol (DVMRP)



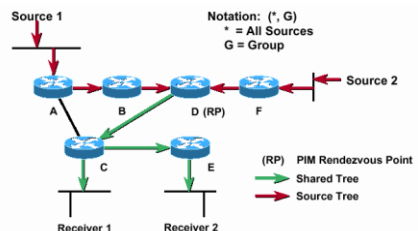
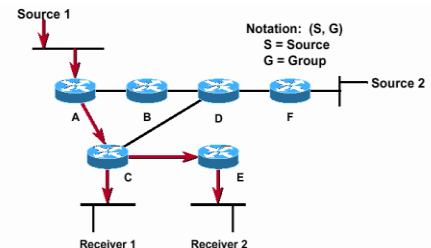
Thuật toán Core-Based Trees (CBT)

- RPB hoạt động dựa trên yếu tố chính là SPT đến nguồn phát. Áp dụng vào bài toán mạng có kích thước lớn cộng với việc mỗi router không lưu trữ hình ảnh đầy đủ của kết nối mạng → vấn đề hiệu năng khi xác định SPT
- Giải pháp của CBT (RFC2210):
 - Giải quyết hiệu năng SPT bằng cách thiết lập sẵn một cây lõi (core tree) là một tập con các router của toàn bộ hệ thống
 - Điều kiện tiên quyết là các cây khung cho mỗi nhóm multicast phải kết nối vào cây lõi này (các gói tin multicast của tất cả các nhóm sẽ được chuyển trên cây lõi – giống như mạng xương sống của một hệ thống mạng)
 - Tạo cây multicast: khi một host muốn tham gia vào một nhóm, thay vì tìm SPT đến source thì chỉ cần tìm SPT đến một trong các nút thuộc cây lõi, sau đó nối SPT này vào cây lõi
 - Gửi multicast từ trong nhóm: source là thành viên của cây multicast → chuyển gói tin multicast theo địa chỉ nhóm, qua các router trên cây (chứa cây lõi)
 - Gửi multicast từ ngoài nhóm: source gửi unicast đến một thành viên của cây (nếu không biết thì gửi đến cây lõi) và phiên multicast sẽ được bắt đầu từ thành viên này
- Việc xác lập các core router để xây dựng cây lõi có thể được thực hiện thủ công, dựa trên thông số vật lý của các kết nối mạng cũng như các thông số thống kê của việc sử dụng mạng



Tổng kết các thuật toán multicast

- Thuật toán multicast dựa trên nguồn phát (source)
 - Dựa trên xác định SPT đến nguồn phát → tối ưu đường truyền từ trạm truyền đến trạm nhận
 - Router phải xác định SPT và duy trì các đường định tuyến (của multicast group) theo từng nguồn phát
→ Bài toán hiệu năng: $O(S * G)$
- Thuật toán multicast dựa trên cây chung (shared tree)
 - Một thông tin gốc được cấu hình trước và chia sẻ với tất cả các nhóm multicast (CBT core tree là một ví dụ).
 - Thông tin gốc dùng chung này thường được gọi là Rendezvous Point (RP) – điểm hẹn gặp.
 - Ưu điểm là giảm tính phức tạp → cải thiện hiệu năng: $O(G)$
 - Nhược điểm là không tối ưu đường truyền giữa trạm truyền và trạm nhận.
 - Vấn đề xác định RP dựa trên nhiều yếu tố thủ công, không tự động mà phụ thuộc vào tính toán của người quản trị.
 - → dựa vào các cài đặt cụ thể



Multicast routing protocol

Mục đích & vai trò

Phân loại

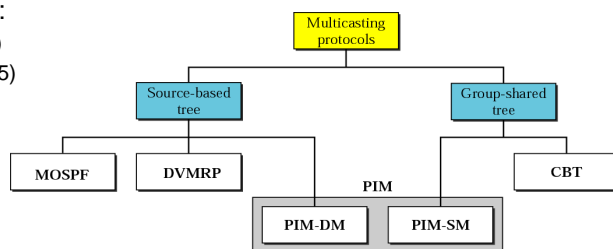
PIM-DM

PIM-SM (SSM & Shared Tree)

33

Tổng quan về multicast routing protocol

- Giống routing protocol, multicast routing protocol dùng để kết nối các router khi xây dựng cây multicast (pha 1 trong giao thức 2 pha multicast). Pha 2 (gửi gói tin) được thực hiện theo cơ chế forwarding dựa trên bảng routing (có cái tiến về nguồn phát & duplicate gói tin khi cần)
- Multicast routing protocol có thể được triển khai bằng cách cài đặt một thuật toán multicast vào một (unicast) routing protocol:
 - OSPF: Multicast Extensions to OSPF (RFC1584)
 - RIP: Distance Vector Multicast Routing (RFC1075)
- Multicast routing protocol không dựa trên unicast routing protocol:
 - Protocol-Independent Multicast (PIM)
 - Xử lý bài toán scalability:
 - Phân biệt 2 chế độ hoạt động dựa trên mức độ phân bố các trạm tham gia vào nhóm
 - PIM Dense Mode (PIM-DM): dày đặc
 - PIM Sparse Mode (PIM-SM): thưa thớt



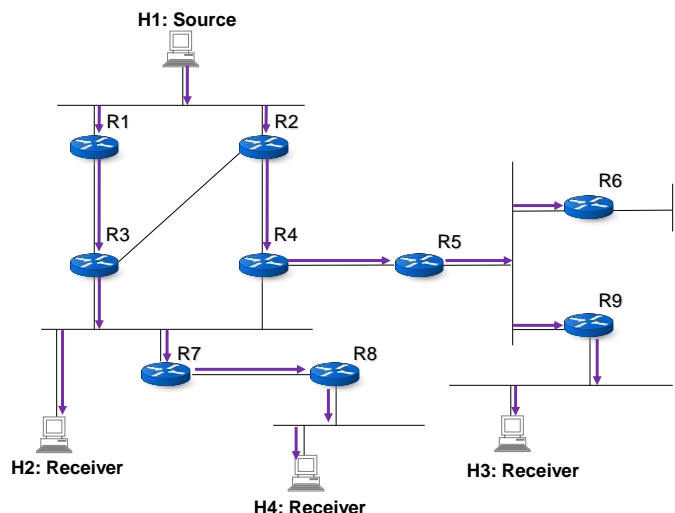
34

Protocol Independent Multicast (PIM)

- Overview
 - Independent of unicast routing protocols
 - Extract required routing information from any unicast routing protocol
 - Work across multiple AS with different unicast routing protocols
- Strategy
 - Flooding is inefficient over large sparse internet
 - Little opportunity for shared spanning trees
 - Focus on providing multiple shortest path unicast routes
- Two operation modes
 - Dense Mode (PIM DM): for intra-AS
 - Sparse Mode (PIM SM): Inter-AS multicast routing
- PIM SSM (source-specific) is a subset of PIM SM

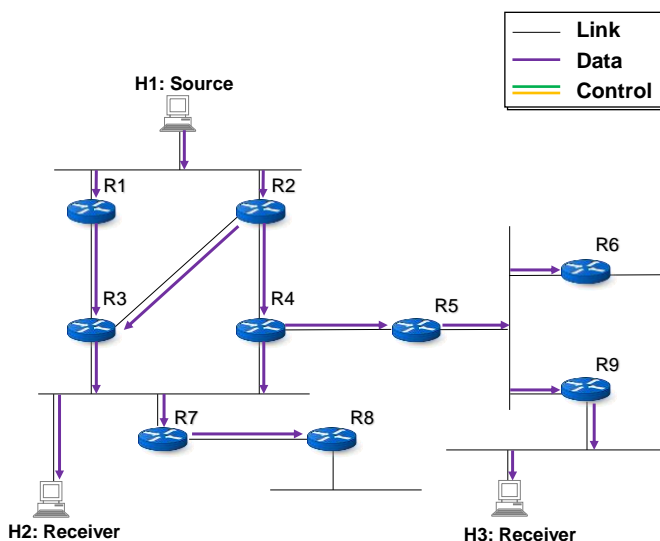
PIM Dense Mode

- PIM DM hoạt động hiệu quả trong môi trường dày đặc các trạm nghe & router
- Sử dụng thuật toán tràn (flooding) kết hợp tỉa cành (prun)
- Dựng cây multicast:
 - Áp dụng thuật toán tràn (flooding), cây multicast ban đầu là toàn bộ kết nối mạng
 - Tỉa cành upstream: router áp dụng thuật toán RPF và tỉa đi những cành không thuộc RPF
 - Tỉa cành downstream: cây con (cành) không có trạm nghe (host và router) thì được tỉa đi
 - Tỉa nút cha thừa: nhiều router cùng chuyển tiếp nhóm đến cùng một local link downstream → lựa chọn 1 router bằng thủ tục Assert và tỉa đi các cành downstream của router khác
 - Thêm cành mới: áp dụng lần lượt RPF, trạm nghe mới (host & router) join vào nút cha giống xử lý trong IGMP



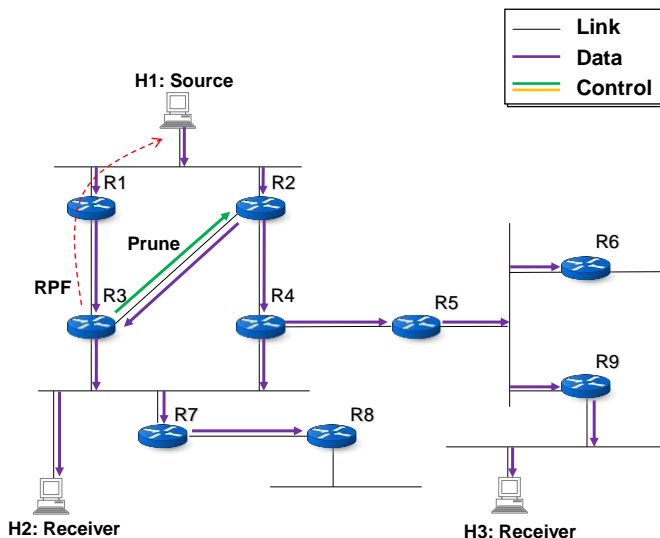
PIM DM Demo

- Nguồn phát hoạt động
- Data được chuyển tiếp theo thuật toán tràn (flooding)
- Mỗi router nhận data liền chuyển tiếp đến tất cả các kết nối với router láng giềng, trừ kết nối đang nhận data
- Router kiểm tra các trạm nghe đã đăng ký trên các kết nối LAN để quyết định có flood data hay không



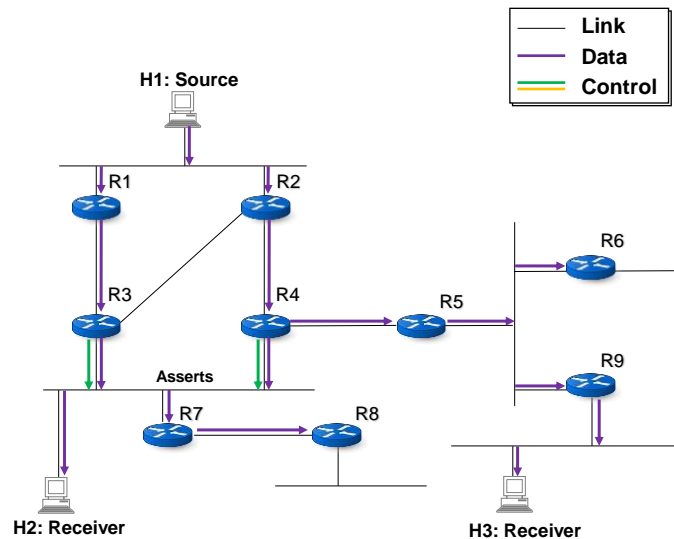
PIM DM Demo (2)

- Tia cảnh. Router R3 nhận data từ 2 nguồn (R1 & R2) → kiểm tra RPF về source
- R3 xác định R2 không nằm trong RPF → yêu cầu R2 dừng chuyển tiếp gói tin cho mình (prune)
- R2 nhận yêu cầu prune từ R3 và dừng phát tin trên link kết nối với R3



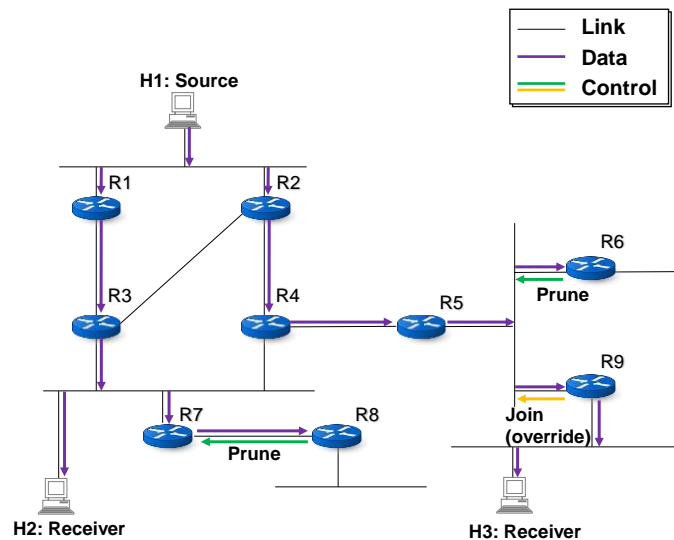
PIM DM Demo (3)

- Tia cảnh bằng Assert. Cả router R3 và R4 đều chuyển tiếp gói tin vào local link (LAN) → cần chọn một.
- Sử dụng Assert để so sánh → R3 được chọn
- R4 ngừng chuyển multicast data trên link đã được ủy quyền cho R3



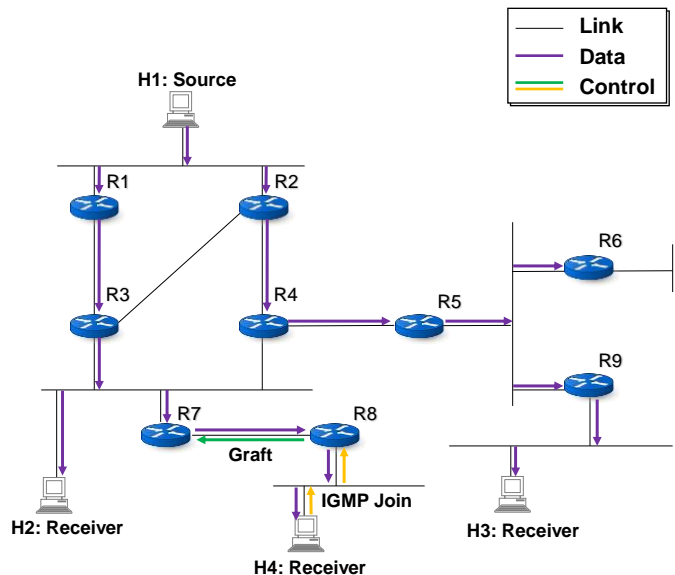
PIM DM Demo (4)

- Router R6 & R8 xác định không có trạm nhận (downstream) để forward gói tin → yêu cầu dừng chuyển tiếp gói tin cho mình
- R7 nhận được yêu cầu prun từ R8, nhưng xác định có trạm nghe (H2) đang nghe trên cùng local link với mình (do R3 phát) → tiếp tục giữ link nhận data từ R3
- R5 nhận yêu cầu prun từ R6 nhưng cũng nhận yêu cầu join từ H3 → bỏ qua



PIM DM Demo (5)

- Xuất hiện trạm nghe mới (H4).
- IGMP Join được gửi từ trạm nghe mới đến R8, R8 yêu cầu join vào cây bằng thông điệp Graft đến R7
- R7 xác định vẫn đang nhận được multicast data từ R3
→ xử lý Graft từ R8 và hoàn thành
- R8 nhận multicast data từ R7 và chuyển tiếp sang link kết nối với trạm nghe mới H4



PIM Sparse Mode

- Supports both source and shared trees
 - Assumes no host wants multicast traffic unless it specifically ask for it
- Uses a Rendezvous Point (RP)
 - Senders and Receivers “rendezvous” at this point to learn of each others existence.
 - Senders are “registered” with RP by their first-hop router.
 - Receivers are “joined” to the Shared Tree (rooted at the RP) by their local Designated Router (DR).
- Appropriate for...
 - Wide scale deployment for both densely and sparsely populated groups in the enterprise
 - Optimal choice for all production networks regardless of size and membership density

Một số khái niệm về “Sparse”

- Sparse group:
 - Number of networks/domains with group members present significantly small than number of networks/domains in internet
 - Internet spanned by group not sufficiently resource rich to ignore overhead of current multicast schemes
- Group Destination Router
 - Has local group members
 - Router becomes destination router for given group when at least one host joins group
 - Using IGMP or similar
- Group source router
 - Attaches to network with at least one host transmitting on multicast address via that router

PIM Sparse Mode

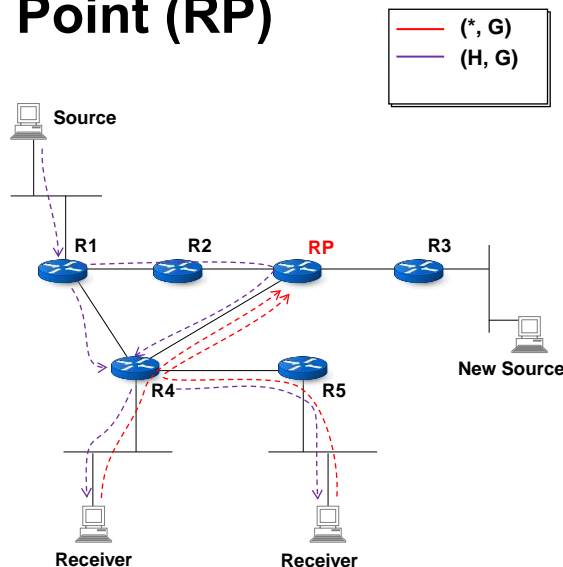
- For a group, one router designated rendezvous point (RP)
- Group destination router sends join message towards RP requesting its members be added to group
 - Use unicast shortest path route to send
 - Reverse path becomes part of distribution tree for this RP to listeners in this group
- Node sending to group sends towards RP using shortest path unicast route
- Destination router may replace group-shared tree with shortest path tree to any source
 - By sending a join back to source router along unicast shortest path
- Selection of RP dynamic
 - Not critical

PIM Sparse Mode (2)

- Explicit join model
 - Receivers join to the Rendezvous Point (RP)
 - Senders register with the RP
 - Data flows down the shared tree and goes only to places that need the data from the sources
 - Last hop routers can join source tree if the data rate warrants by sending joins to the source
- RPF check for the shared tree uses the RP
- RPF check for the source tree uses the source
- Only one RP is chosen for a particular group
- RP statically configured or dynamically learned (Auto-RP, PIM v2 candidate RP advertisements)
- Data forwarded based on the source state (S, G) if it exists, otherwise use the shared state (*, G)

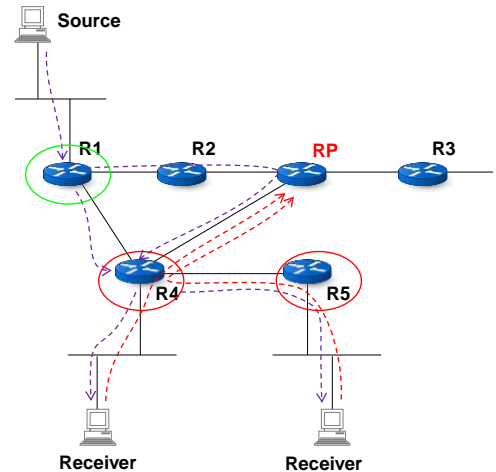
Vai trò của Rendezvous Point (RP)

- Hệ thống mạng kết nối bằng các router trong đó xác định trước router có vai trò RP
- Các trạm phát & nhận tham gia vào phiên multicast ngẫu nhiên (không phải source specific)
- Khi nguồn phát chưa xác định, các router sử dụng RP để dựng cây multicast
- Khi nguồn phát xuất hiện, router đăng ký (register) với RP và nhận cây từ RP (bằng cách nối cây gốc RP vào nguồn phát)
- Tối ưu cây multicast bằng RPF (do lúc này nguồn phát đã được xác định)
- Thêm nguồn phát bổ sung?



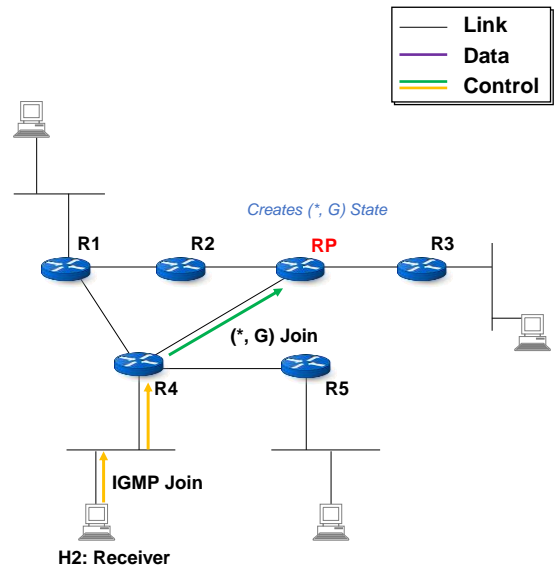
Vai trò của FHR và LHR

- First Hop Router (FHR)
 - R1
- Last Hop Router (LHR)
 - R4 & R5 (cho các trạm nghe khác nhau)



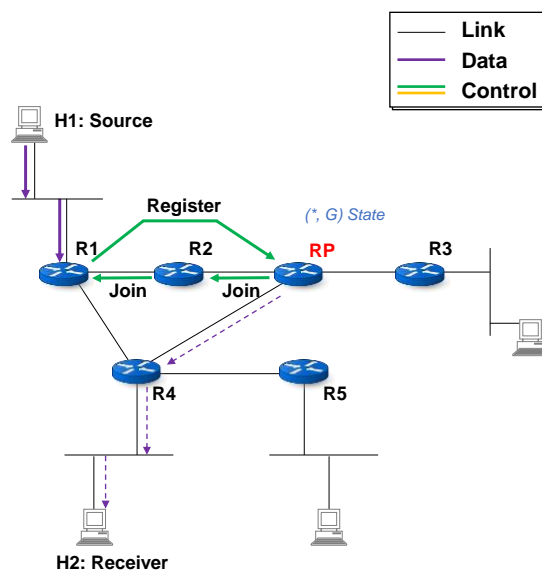
PIM SM Demo

- H2 yêu cầu tham gia vào nhóm (*,G)
 - nguồn phát không xác định
- IGMP Join được H2 gửi đến R4
- R4 xác định RPF về RP và gửi PIM Join về router thuộc RPF. Lần lượt các router này nhận được PIM Join lại xác định RPF và join vào nút cha, cho đến khi gặp RP
- RP chưa có thông tin gì về nhóm multicast → khởi tạo trạng thái cho nhóm này: (*, G)



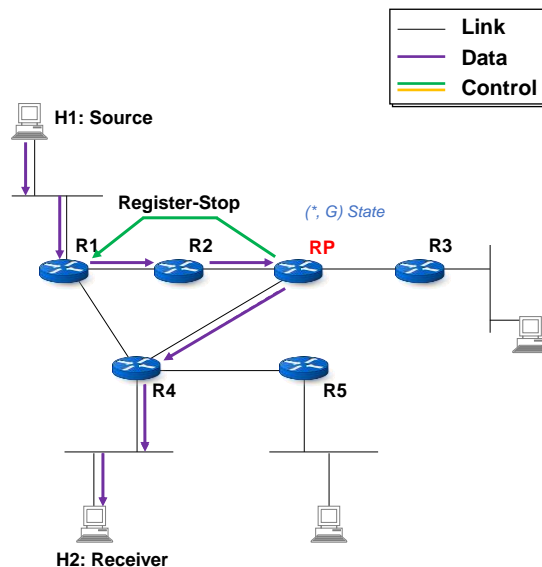
PIM SM Demo (2)

- H1 bắt đầu phát tin vào nhóm G
- R1 nhận được multicast data phát từ H1, nó xác định chưa có nhóm multicast này nên khởi tạo bằng thông điệp PIM-Register đến RP
- RP gửi PIM Join về R1 theo cơ chế RPF, lần lượt qua các router trung gian (là R2)



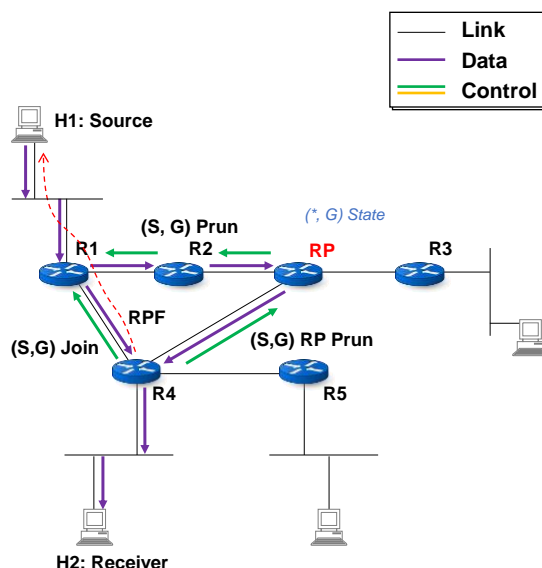
PIM SM Demo (3)

- Các router R2, R1 nhận được PIM Join, tạo cây multicast và chuyển tiếp multicast data từ upstream sang downstream
- RP nhận được multicast data từ upstream (R2) chuyển tiếp sang downstream (R4) và R4 tiếp tục chuyển đến H2
- Khi đã nhận được multicast data từ upstream R2, RP gửi PIM Register-Stop về R1 để thông báo quá trình register đã hoàn thành



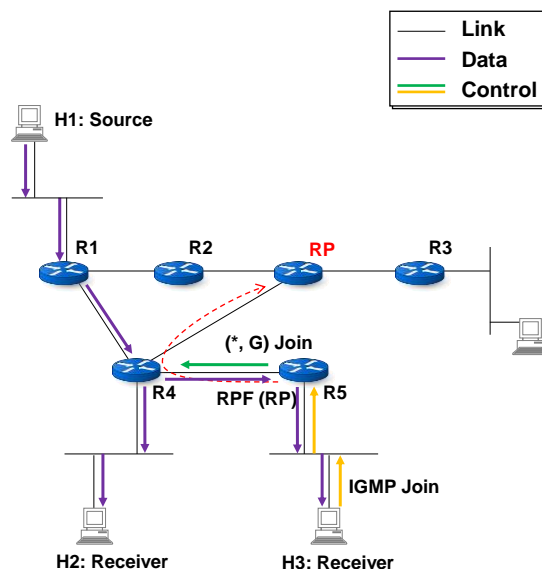
PIM SM Demo (4)

- Khi nguồn phát đã được xác định (H1), các router sử dụng RPF để tối ưu cây multicast. R4 áp dụng RPF với nguồn phát H1, xác định nút cha R1 thuộc RPF
- R4 gửi PIM Join (S,G) đến R1
- R1 xử lý PIM Join từ R4, thêm luật chuyển tiếp multicast cho nhóm (S, G) sang downstream mới là R4
- Ngay khi nhận được multicast data từ R1, R4 gửi PIM RP Prun đến RP để hủy kết nối này trong nhóm
- RP xóa trạng thái (S,G) và gửi Prun lên upstream
- Các router cập nhật luật chuyển tiếp multicast cho nhóm (S,G) → cây multicast được thiết lập với vai trò của RP được hủy bỏ



PIM SM Demo (5)

- H3 xin tham gia vào cây (*, G)
- IGMP Join được chuyển từ H4 đến R5
- R5 xác định RPF về RP (R5 chưa biết nguồn phát nên dùng RP để thực hiện RPF) và gửi PIM Join đến nút cha trong RPF của mình.
- Quá trình Join sẽ kết thúc khi đến được RP hoặc một nút trong cây (*,G), trong trường hợp này là R4
- R4 tạo luật multicast để forward gói tin từ upstream (R1) sang downstream
- R5 nhận được multicast data trên upstream (R4) và chuyển tiếp đến downstream cho H3
- R5 xác định nguồn phát là H1, thực hiện RPF để tối ưu cây multicast (trường hợp này cây đã tối ưu)



Thực hành PIM SM

- Thiết lập hệ thống mạng với 3 router và 3 host
- Thiết lập RP của cả hệ thống là R2 (192.168.2.1)
- Chạy iperf trên H3 để join vào nhóm multicast với nguồn phát không xác định
- Kiểm tra cấu hình multicast trên router R3 & R2:
 - Tự động thiết lập theo gói tin IGMP Report gửi đến từ H3
 - Tự động join R3 (enp0s9) và R2 (enp0s10) vào cây multicast với gốc là RP
- Chạy iperf trên H1 để phát gói tin vào nhóm, kiểm tra H3 nhận được gói tin phát trong nhóm
- Kiểm tra PIM state trên các router thấy có sự cập nhật phù hợp với các thuật toán PIM

